



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dược phẩm Bến Tre

Ngày 31/12/2025	11,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.3%	2.7%	-1.3%

DT thuần Q4/25
279
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 102 57.6%
YoY: ▲ 21.0 8.1%

LN thuần Q4/25
-6.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.42 -1279%
YoY: ▼13.4 -204%

LN sau thuế Q4/25
3.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.58 438%
YoY: ▼1.41 -30.7%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
7.5%
YoY: +/-▲ 0.5%

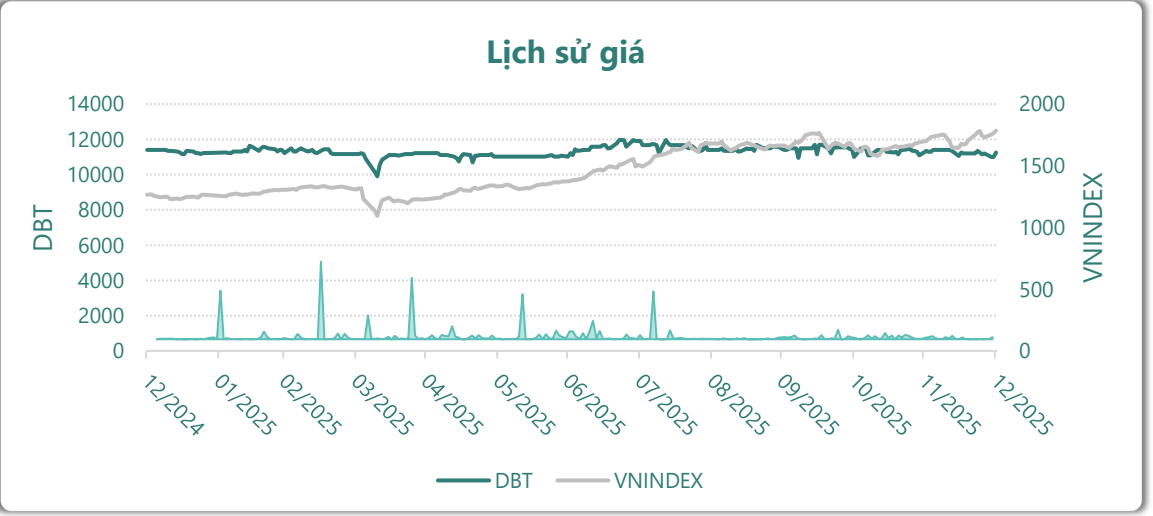
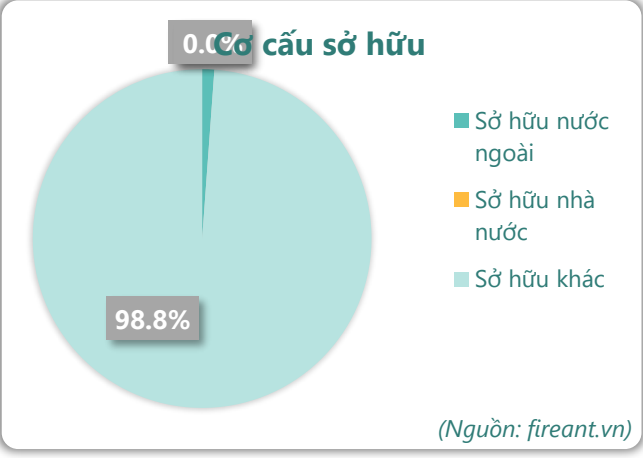
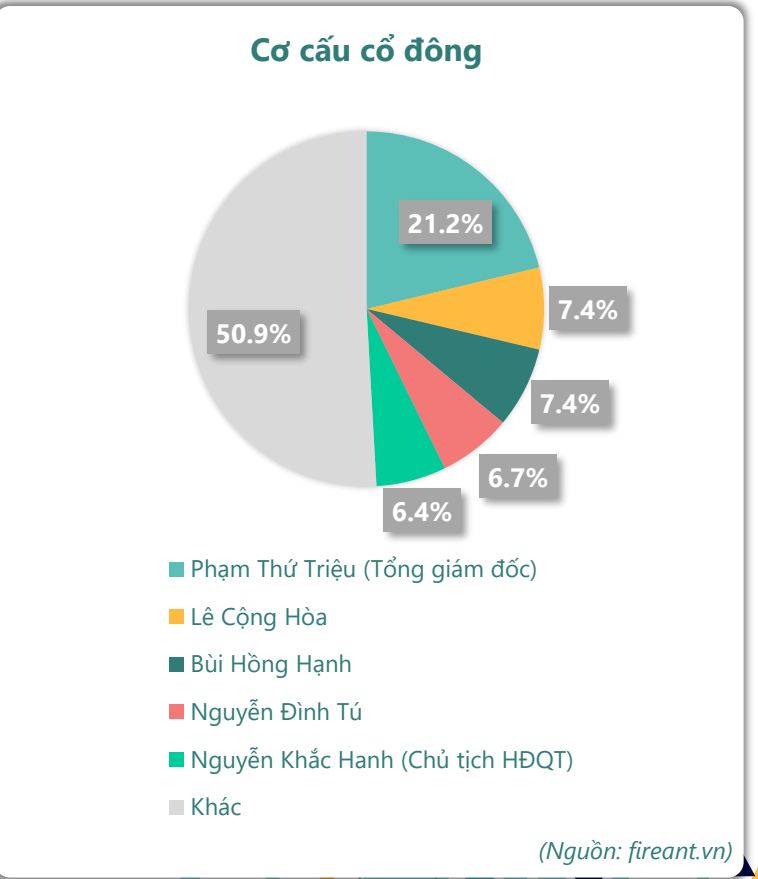
ROE 2025
4.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,907 - 11,963
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	247
Số lượng CPLH (CP)	21,967,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,070
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.20
EPS	639
P/E	17.6

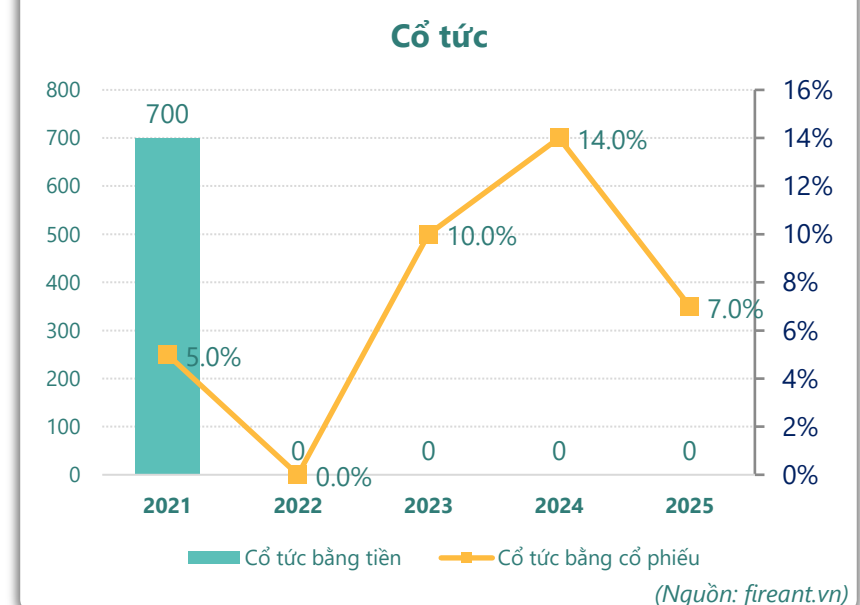
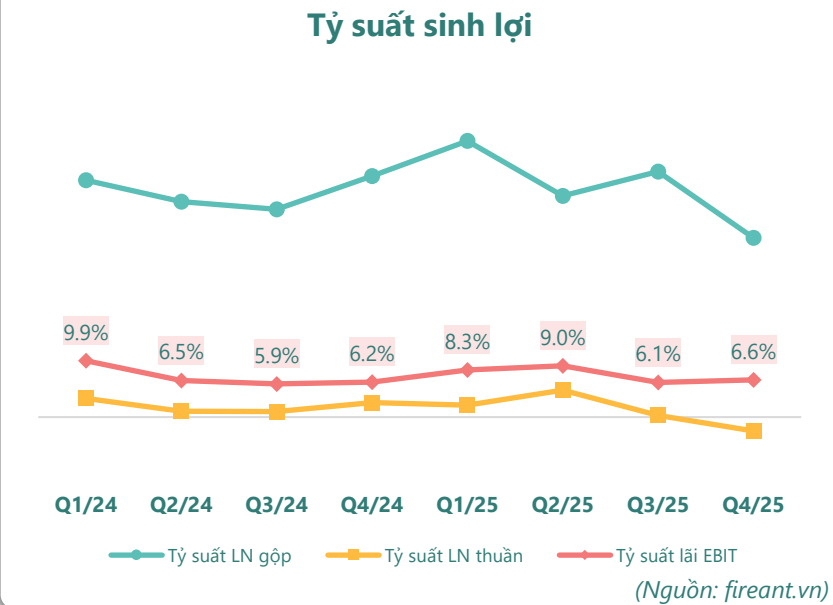
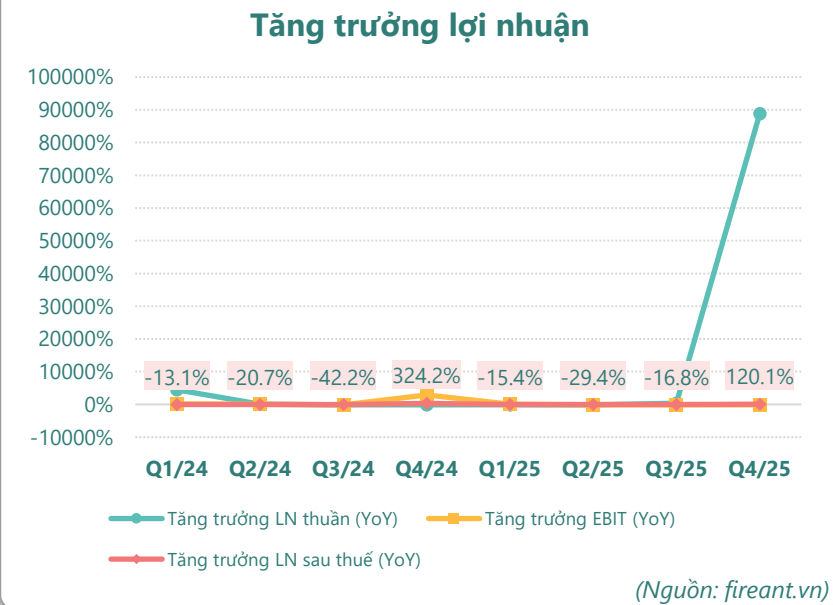
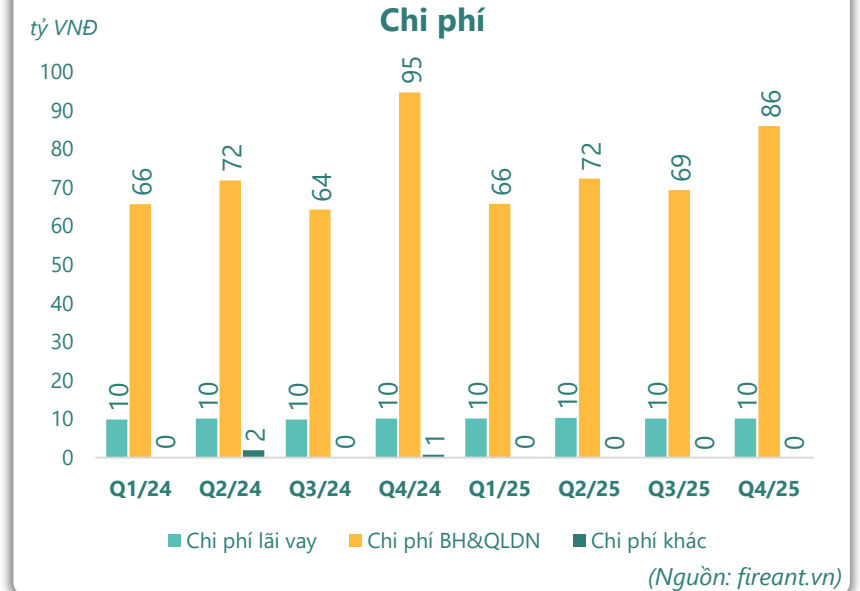
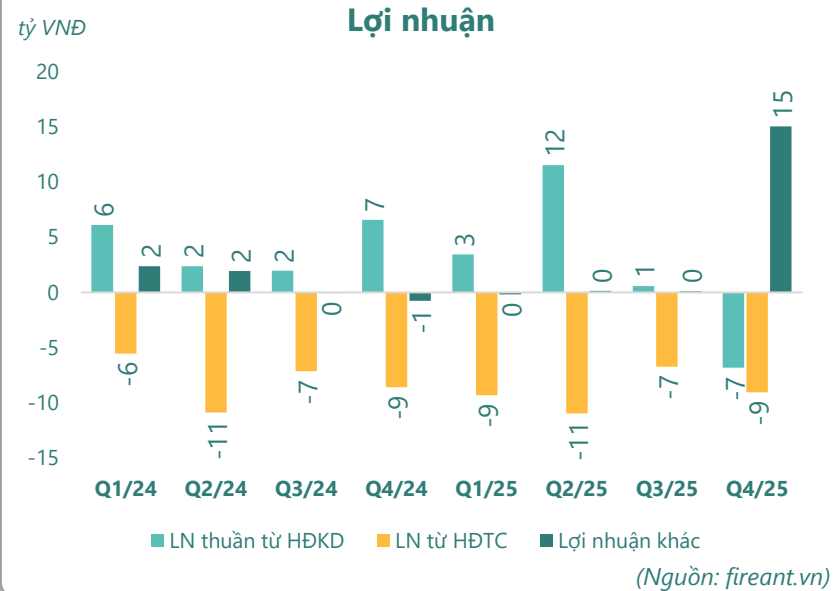
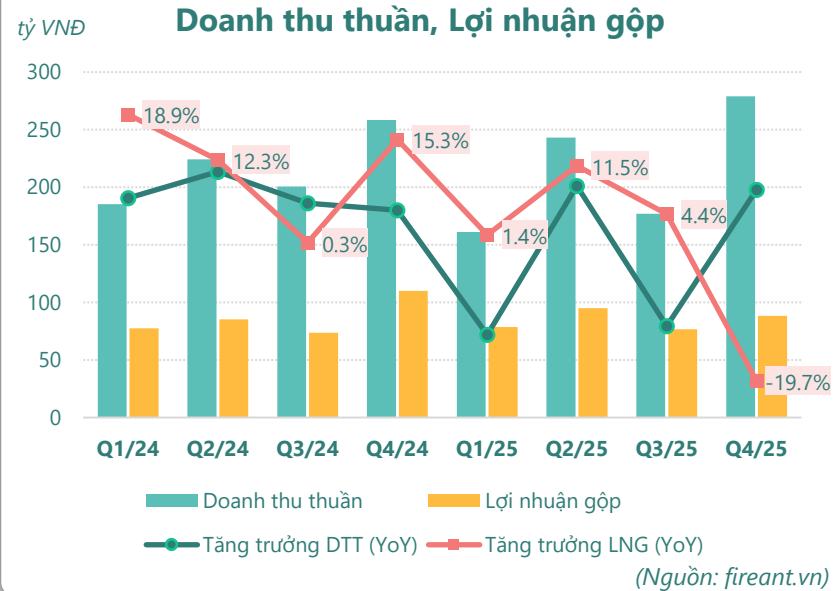
DT thuần 2025
860
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00 -0.9%

LN thuần 2025
8.74
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.16 -48.3%

LN sau thuế 2025
14.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90 16.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

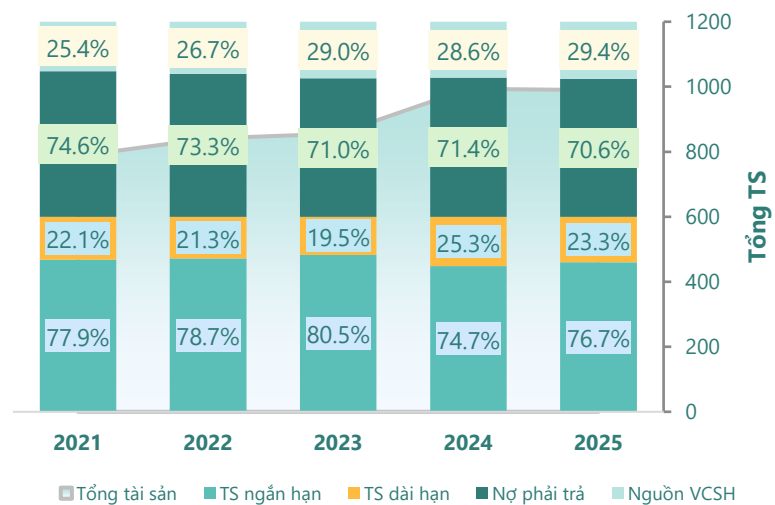




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

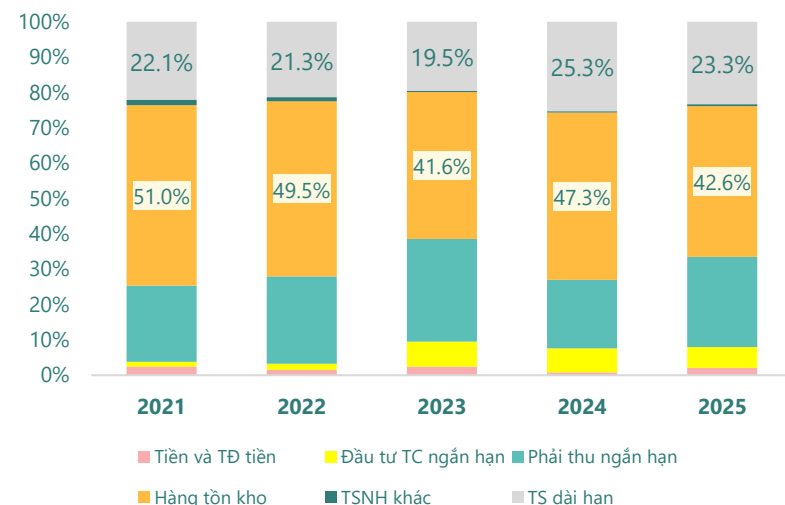
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

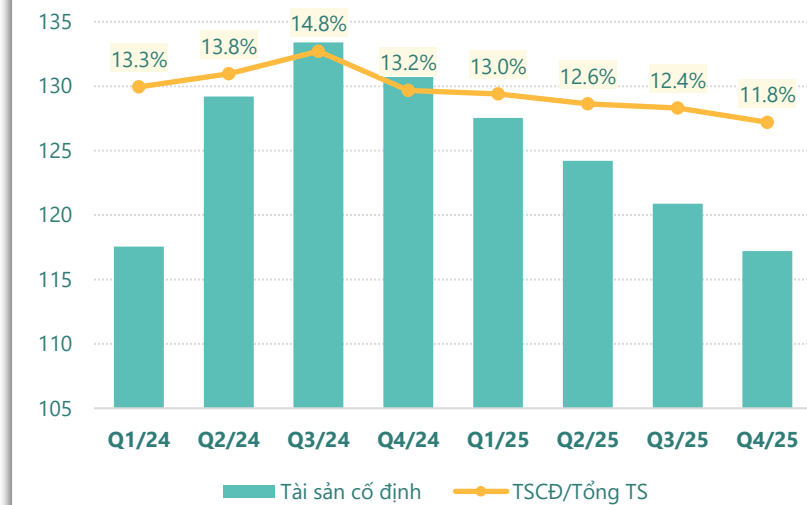
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

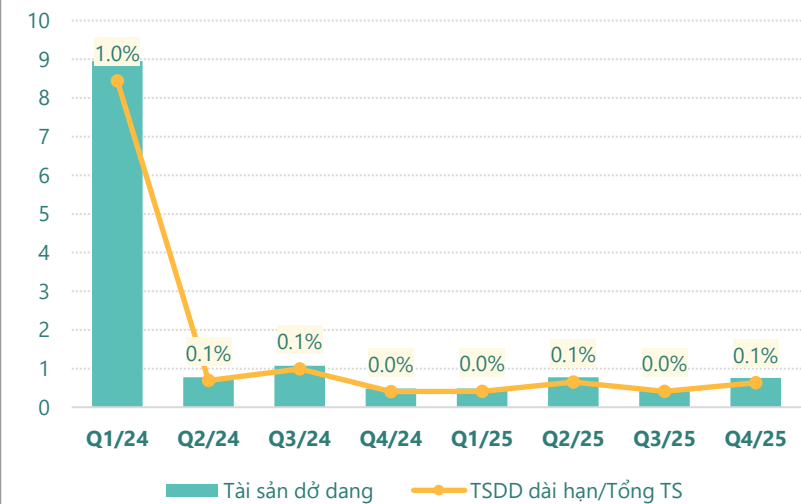
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

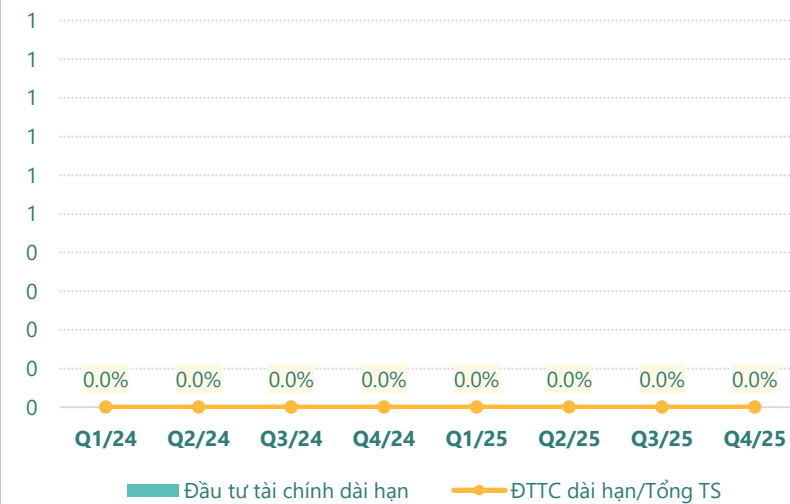
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

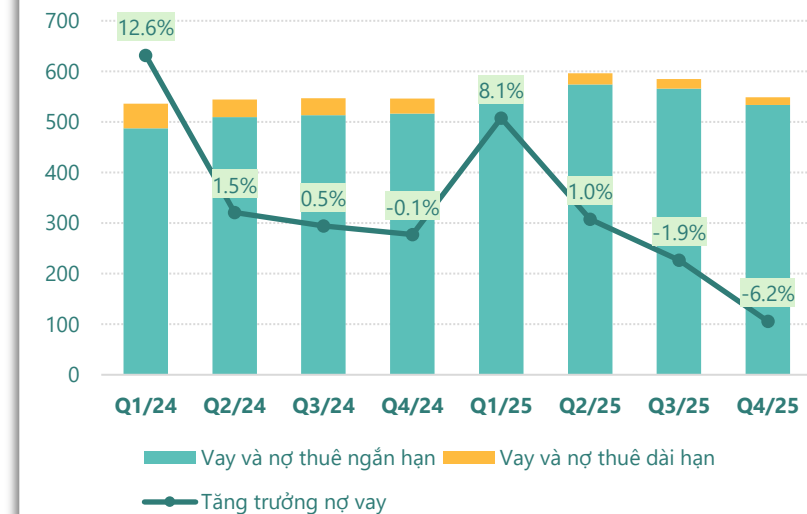
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

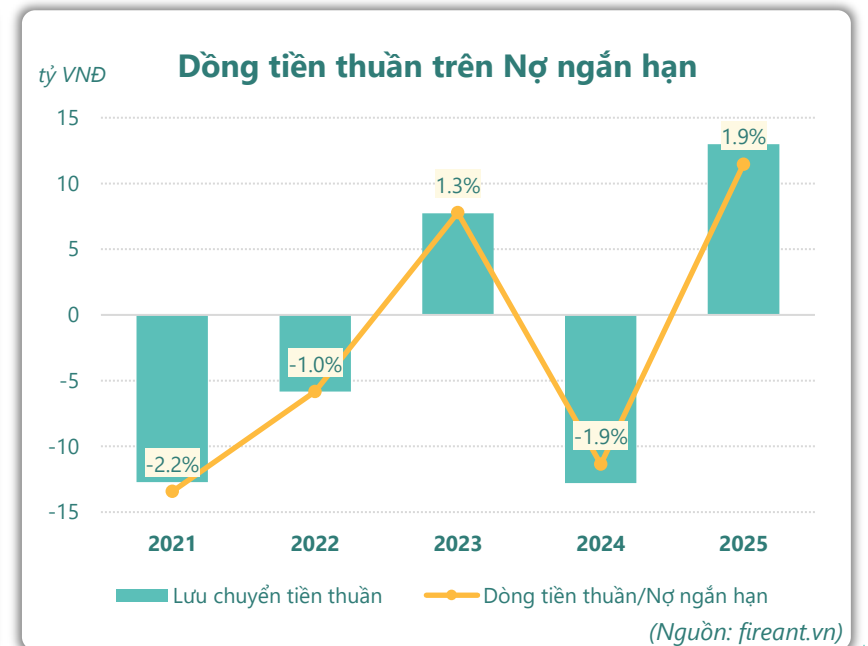
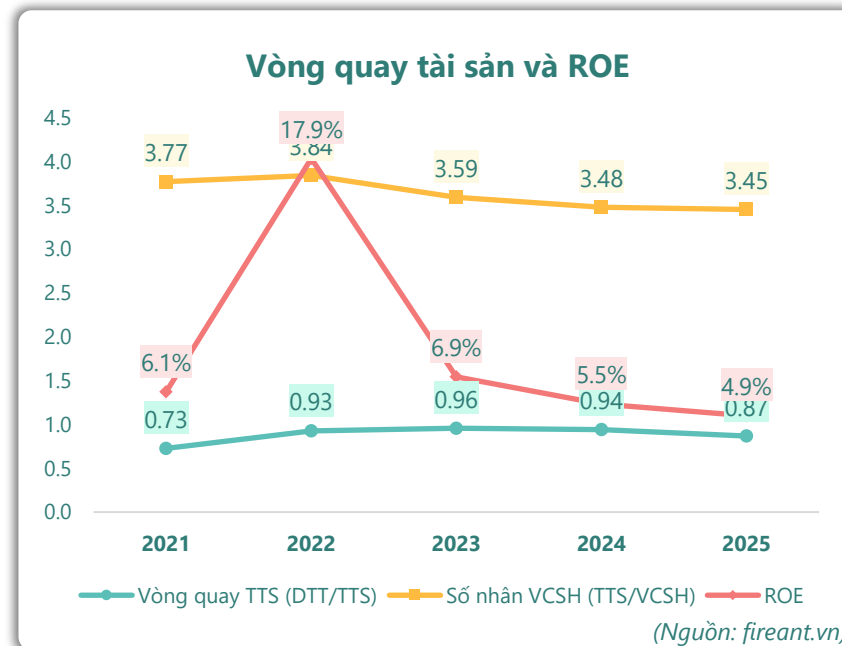
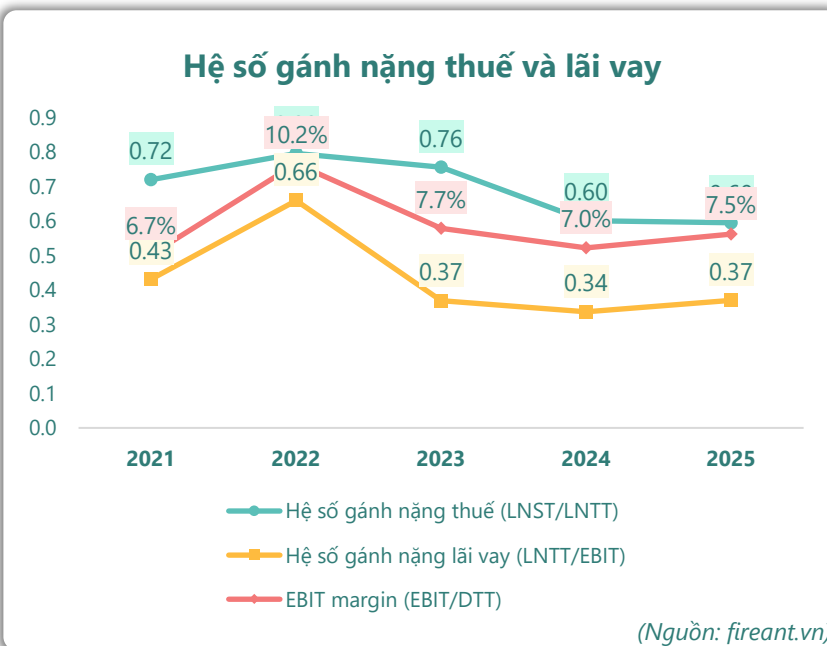
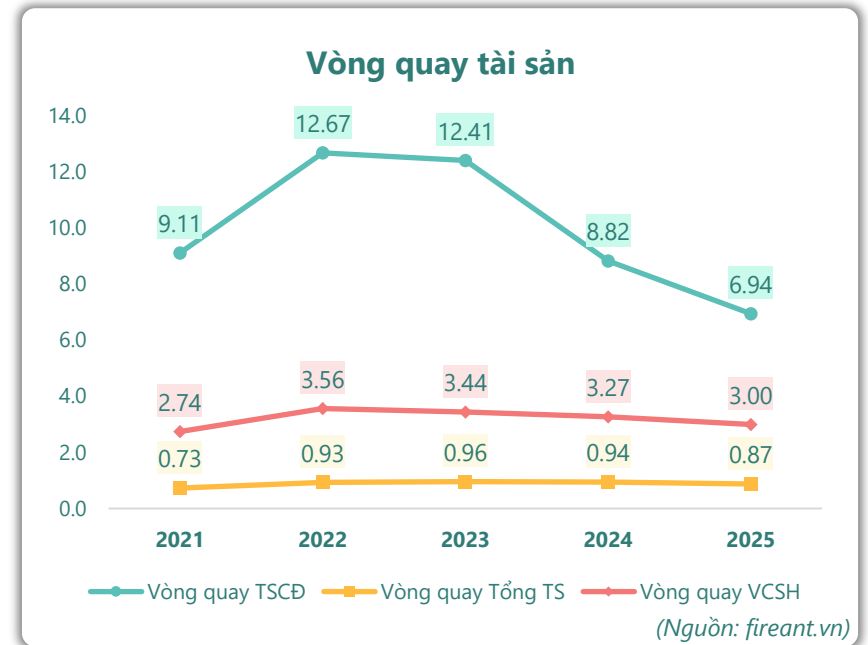
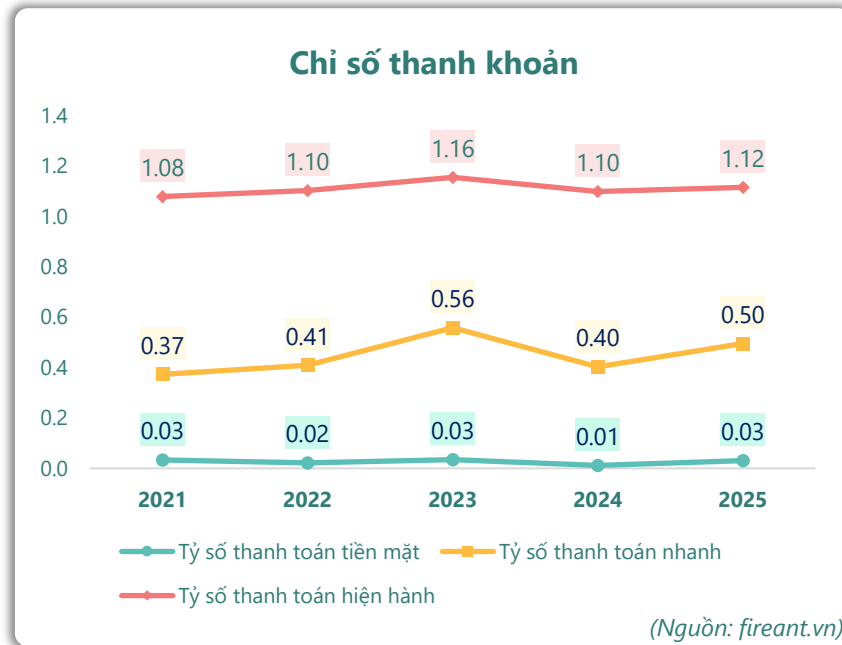
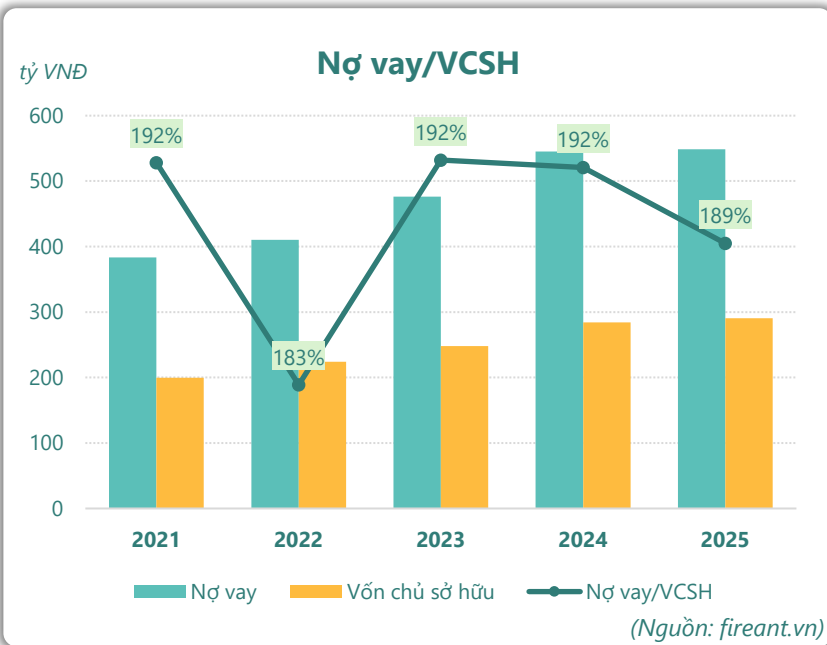
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	279	258	8.1%	860	868	-0.9%
Giá vốn hàng bán	191	148	28.9%	522	522	-0.1%
Lợi nhuận gộp	88.2	110	-19.8%	338	346	-2.2%
Doanh thu HĐTC	1.18	1.56	-24.2%	6.84	8.52	-19.7%
Chi phí TC	10.3	10.1	1.5%	43.0	40.7	5.5%
Chi phí lãi vay	10.1	10.2	-0.9%	40.7	40.1	1.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	68.3	76.5	-10.7%	230	237	-2.9%
Chi phí QLDN	17.7	18.2	-3.0%	63.7	60.1	6.0%
LN thuần từ HĐKD	-6.84	6.58	-204%	8.74	16.9	-48.3%
Lợi nhuận khác	15.1	-0.77	2056%	15.1	3.48	335%
LN trước thuế	8.22	5.81	41.5%	23.9	20.4	17.2%
Lợi nhuận sau thuế	3.17	4.58	-30.7%	14.2	12.3	16.0%
LNST của CĐ cty mẹ	2.54	4.26	-40.3%	14.0	14.6	-3.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.72	6.10	-37.5	-3.16	-10.3	49.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	-46.6	2.64	-8.87	15.2	-3.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.30	39.3	45.6	5.87	-11.4	-31.4
Tiền đầu kỳ	12.0	9.05	7.86	18.5	12.4	5.90
Lưu chuyển tiền thuần	-2.95	-1.19	10.7	-6.15	-6.49	15.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	9.05	7.86	18.5	12.4	5.90	20.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	990	994	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	759	742	2.2%
Tiền và tương đương tiền	20.9	7.86	165%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.6	67.4	-14.6%
Phải thu ngắn hạn	253	193	31.2%
Hàng tồn kho	422	470	-10.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.97	3.91	27.1%
Tài sản dài hạn	231	251	-8.1%
Phải thu dài hạn	6.57	6.34	3.6%
Tài sản cố định	117	131	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	0.48	56.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	76.3	79.6	-4.1%
Lợi thế thương mại	30.3	34.4	-11.8%
Nợ phải trả	699	710	-1.5%
Nợ ngắn hạn	680	676	0.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	534	516	3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	94.9	117	-19.1%
Nợ dài hạn	19.2	34.0	-43.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.9	29.2	-48.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	291	284	2.3%
Vốn chủ sở hữu	291	284	2.3%
Vốn điều lệ	220	205	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

